

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Bản án số: 521/2023/DS-PT

Ngày: 26/10/2023

V/v: Tranh chấp hợp đồng hợp
tác đầu tư.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Hồng;

Các Thẩm phán:

Ông Trương Chí Anh;

Bà Nguyễn Thị Thúy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Minh Đức - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội: Ông Nguyễn Mạnh Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 26/10/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 276/2023/TLPT-DS ngày 31 tháng 08 năm 2023 về tranh chấp hợp đồng hợp tác đầu tư.

Do bản án sơ thẩm số 24/2023/DS - ST ngày 21 tháng 06 năm 2023 của Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 416/2023/QĐXX-PT ngày 08/9/2023; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 444/2023/QĐHPT-PT ngày 22/9/2023; Thông báo về việc mở lại phiên tòa số 618/2023/TB-DS ngày 11/10/2023:

1/ Nguyên đơn: Ông PQT, sinh năm 1960; trú tại: Số 16 phố TNĐ, phường ĐC, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội; Người đại diện theo ủy quyền cho ông T: Ông NTS, sinh năm 1981 (theo giấy ủy quyền số 409, quyền số 01 ngày 02/3/2023).

2/ Bị đơn: Ông ĐTH, sinh năm 1969; trú tại: Căn 03 tầng 34, nhà P03 KĐT V, số 25 ngõ đường L, phường M, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo ủy quyền cho ông H: Bà HPL năm 1997, ông Ngô Quang C, sinh năm 1983; Cùng trú tại: Tòa nhà T 1, số 58A, T, phường T, Cầu Giấy, thành phố Hà Nội (theo giấy ủy quyền số 13129; quyền số 04 ngày 06/12/2022).

3/ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Văn phòng công chứng CBH; trụ sở: Số 6A, phố V, phường T, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội; Trưởng văn phòng: Bà CBH.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm vụ án có nội dung như sau:

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - Ông PQT và người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Do có nhu cầu thành lập Văn phòng công chứng nhưng ông T không tự lập dự án để thành lập Văn phòng công chứng được. Ông T có quen biết Ông ĐTH từ năm 2015, khi đó ông H có nhu cầu và nói với ông T xin chung một nửa chi phí lập Văn phòng công chứng. Việc thành lập Văn phòng công chứng cần thuê 02 công chứng viên hợp danh, 06 đến 07 người thư ký, 01 cán bộ văn phòng, 01 kế toán, 01 cán bộ lưu trữ, chi phí thuê văn phòng, mua sắm các thiết bị văn phòng gồm 02 máy phô tô, máy tính, các bàn ghế, tủ đựng tài liệu, 01 ô tô Hyundai I10 đứng tên văn phòng.

Ông T và ông H thuê ông BHP - công chứng viên đứng tên văn phòng. Lúc đầu, thành lập vào năm 2016 lấy tên Văn phòng công chứng BP do ông BHP làm trưởng văn phòng. Toàn bộ chi phí do ông T và ông H bỏ ra mỗi người một nửa còn các công chứng viên và nhân viên văn phòng không có bỏ chi phí gì mà họ được hưởng lương hàng tháng theo thỏa thuận với ông T và ông H, không phụ thuộc vào thu nhập của văn phòng.

Quá trình hoạt động do hai bên đều không thống nhất về cách thức hoạt động, phân chia lợi nhuận nên ngày 03/5/2017 ông T và ông H có lập Vi bằng tại Văn phòng thừa phát lại quận Nam Từ Liêm trong đó xác định tổng số vốn hai ông bỏ ra để thành lập Văn phòng công chứng là 8.0000.000.000đ; mỗi người bỏ ra một nửa nên sở hữu 50%. Đồng thời trong Vi bằng cũng thống nhất để ông BHP rút khỏi danh sách công chứng viên theo giấy đăng ký hoạt động của văn phòng.

Ngày 20/4/2017, Văn phòng công chứng đã được cấp giấy đăng ký hoạt động số 107/TP -ĐKHHĐ tên Văn phòng công chứng PK có địa chỉ tại 495 đường Nguyễn Đ, thị trấn TQ, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội; Trưởng văn phòng là công chứng PVK.

Sau đó, do hai bên không có tiếng nói chung đến năm 2019, ông H đã tự ý đổi tên thành Văn phòng công chứng Nguyễn H có trụ sở số 6A, V, phường T, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội; Trưởng văn phòng là công chứng viên Nguyễn Văn H.

Nay ông T đề nghị Tòa án xác định cho ông T được sở hữu 50% giá trị văn phòng công chứng Nguyễn H.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn đơn - Ông PQT và người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Khoảng đầu năm 2016, ông H và ông T có hợp tác mở Văn phòng công chứng để làm dịch vụ công chứng; ông H và ông T có thuê văn phòng và đầu tư cơ sở vật chất tại số 495 đường Nguyễn Đ, thị trấn TQ. Ông H và ông T đã bỏ ra tổng cộng khoảng gần 01 tỷ đồng để thuê mặt bằng, mua sắm trang thiết bị ban đầu... Đến khoảng năm 2017, do nguồn thu mang lại không bù được chi phí, hoạt động bị thua lỗ nên ông T đã tự ý dừng việc đầu tư chung với ông H. Sau khi dừng việc đầu tư, ông H và ông T chưa thống kê cụ thể khoản chi phí và lỗ thực tế. Cũng từ thời điểm

đó, ông H là người tự thanh toán các khoản tiền trang trải cho Văn phòng công chứng và các chi phí phát sinh. Đến nay, khoản tiền lỗ nhiều nhưng ông T không quan tâm, không tham gia việc đầu tư nhưng nhiều lần thuê người đến gặp ông H đòi tiền mà không có căn cứ khiến ông H vô cùng bức xúc.

Đối với biên bản góp vốn và xin rút thành viên: Đây là văn bản do ông T lập ra, trong biên bản có nhắc đến số tiền đã bỏ ra để đầu tư là 8.000.000.000đ, ông H khẳng định đây là con số không có thực, do ông T nâng lên nhằm mục đích tăng giá trị thương hiệu của Văn phòng công chứng, không phải là số tiền mà các bên đã đầu tư. Thực tế, như đã trình bày số tiền mà ông H và ông T đã đầu tư chưa đến 1.000.000.000đ, bao gồm mua sắm trang thiết bị văn phòng, trả lương nhân viên và các chi phí phát sinh khác. Việc đầu tư được thực hiện theo hình thức bỏ vốn theo tỷ lệ và đã chi tiêu hết số tiền do các bên đóng góp. Cá nhân ông H không nhận và cũng không giữ khoản tiền nào của ông T.

Đối với yêu cầu khởi kiện của ông T là “Xác định ông T là người sở hữu 50% giá trị của Văn phòng công chứng Nguyễn H” theo quy định của Luật Công chứng năm 2014 và các quy định có liên quan, Văn phòng công chứng do các công chứng viên lập ra, hoạt động theo hình thức hợp danh, không có thành viên góp vốn, không có chủ đầu tư. Ông T không phải công chứng viên, cũng không phải người góp vốn, điều hành hoạt động của Văn phòng công chứng, không trực tiếp làm bất kỳ công việc nào liên quan đến Văn phòng công chứng. Vì vậy, ông H khẳng định yêu cầu khởi kiện của ông T là không phù hợp với quy định của pháp luật, không phù hợp với thực tế thỏa thuận giữa ông T và ông H.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Văn H trình bày:

Ngày 23/12/2019, Văn phòng công chứng Nguyễn H được Sở tư pháp đồng ý thay đổi đăng ký hoạt động với nội dung: Thay đổi Trưởng văn phòng từ ông PVK sang ông Nguyễn Văn H; thay đổi tên Văn phòng công chứng PK sang tên Văn phòng công chứng Nguyễn H và hoạt động từ thời gian đó đến nay,

Trong quá trình thực hiện các thủ tục thay đổi người đại diện, thay đổi tên từ Văn phòng công chứng PK sang Văn phòng công chứng Nguyễn H đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật và quy định của Luật Công chứng.

Khi ông PVK bàn giao lại Văn phòng công chứng cho ông Nguyễn Văn H gồm cơ sở vật chất như bàn ghế, máy tính,...(nay đã cũ, đã thanh lý, xếp kho) và kho tài liệu lưu trữ, các hợp đồng công chứng.

Từ khi tiếp nhận, quản lý và đi vào hoạt động, Văn phòng công chứng chưa nghe đến sự tham gia của Ông PQT với bất kỳ ai vào tổ chức của văn phòng, đồng thời Ông PQT cũng không có tên trong các hoạt động tại Văn phòng công chứng Nguyễn H. Cho đến tháng 11/2022, Văn phòng công chứng Nguyễn H nhận được văn bản của Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm thông báo việc thỏa thuận giữa Ông PQT và Ông ĐTH khi đó Văn phòng công chứng mới biết.

Theo khoản 1 Điều 22 Luật Công chứng năm 2014 quy định: “Văn phòng công chứng được tổ chức và hoạt động theo quy định của luật và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan đối với loại hình công ty hợp danh. Văn phòng công

chứng phải có từ hai công chứng viên hợp danh trở lên, Văn phòng công chứng không có thành viên góp vốn”

Văn phòng công chứng Nguyễn H tổ chức hoạt động theo quy định của Luật Công chứng và không có thành viên góp vốn.

Do đó, Văn phòng công chứng Nguyễn H thấy việc tranh chấp giữa Ông PQT và Ông ĐTH không liên quan đến việc tổ chức hoạt động của Văn phòng công chứng Nguyễn H.

Quá trình thu thập chứng cứ, người làm chứng - ông BHP trình bày:

Khoảng năm 2016, Ông ĐTH và Ông PQT có nhu cầu thành lập Văn phòng công chứng nên hai ông có nhờ ông và ông Phạm T (do ông và ông T có chứng chỉ Công chứng viên) đứng ra thành lập Văn phòng công chứng BP, do ông và ông T là công chứng viên hợp danh. Toàn bộ chi phí để thành lập Văn phòng công chứng BP do ông T và ông H bỏ ra. Các chi phí cụ thể: Mua các thiết bị văn phòng: Máy vi tính, máy phô tô, bàn ghế, tủ đựng tài liệu, tiền thuê nhà, tiền sửa chữa nhà, biển hiệu chi phí khoảng gần 800.000.000đ (khi mua bán có hóa đơn hiện lưu tại Văn phòng công chứng). Năm 2016, khi ông là trưởng Văn phòng công chứng có mua 01 chiếc ô tô Hyundai I10 giá 570.000.000đ, đăng ký tên Văn phòng công chứng BP (tiền mua ô tô do ông T, ông H bỏ ra). Toàn bộ số tiền trên hai ông T và ông H bỏ ra mỗi người 1/2. Hàng tháng, ông được hưởng lương theo thỏa thuận giữa ông và ông H, ông T là 18.000.000đ/tháng; ông T lương 15.000.000đ/tháng; có 07 đến 08 cán bộ nhân viên mỗi người hưởng lương 6.000.000đ/tháng. Số tiền trả lương căn cứ vào thu nhập của Văn phòng công chứng, ông T và ông H quyết định trả lương như trên. Bản thân ông và ông T không có đóng góp tiền hay tài sản gì cho Văn phòng công chứng BP. Khi đó, Văn phòng công chứng thuê ở 495 Nguyễn Đ, huyện Gia Lâm và số 06 V, quận Cầu Giấy. Hàng tháng Văn phòng công chứng đều có báo cáo về hoạt động về Sở tư pháp thành phố Hà Nội. Thời gian ông là Trưởng văn phòng (vì mới thành lập) nên doanh thu của Văn phòng công chứng nhiều tháng không đủ trả tiền lương, tiền chi phí thuê nhà hàng tháng. Tuy nhiên, ông H và ông T vẫn bỏ tiền trả lương và các chi phí khác nên Văn phòng công chứng vẫn hoạt động.

Khoảng đầu năm 2017, do ông T và ông H mâu thuẫn với nhau nên ông và ông T đã xin rút khỏi Văn phòng công chứng. Ông và ông H, ông T, ông T có ngồi họp với nhau. Tại cuộc họp này ông T có đề nghị với ông H là nếu ông H mua lại, ông T đồng ý bán lại phần của ông T cho ông H, nhưng ông H không đồng ý mua lại. Khi lập Vi bằng để xác định vốn góp đầu tư giữa ông H và ông T ông cũng có chứng kiến hai ông đều xác định vốn mỗi người đóng góp vốn 50%. Sau đó, ông bàn giao Văn phòng công chứng cho công chứng viên PVK vào khoảng tháng 4/2017. Khi bàn giao lại văn phòng là bàn giao toàn bộ các tài sản của Văn phòng công chứng, nhà thuê và cả xe ô tô.

Từ đó, ông không còn liên quan gì đến Văn phòng công chứng, ông khẳng định toàn bộ các chi phí thành lập, các tài sản của Văn phòng công chứng khi ông còn là Trưởng văn phòng đều là của ông T và ông H bỏ ra.

Quá trình thu thập chứng cứ, người làm chứng - ông PVK trình bày:

Khoảng tháng 4/2017, Ông ĐTH và Ông PQT đề nghị ông làm Trưởng Văn phòng công chứng (do lúc đó ông P và ông T đã xin rút khỏi Văn phòng công chứng). Sau khi tiếp quản xong, ông có đi làm thủ tục đổi tên thành Văn phòng công chứng PK do ông làm Trưởng văn phòng. Khi đó, văn phòng có 02 công chứng viên là ông và bà Nguyễn Thị Huệ, khi ông tiếp nhận, văn phòng vẫn thuê nhà tại 495 Nguyễn Đ. Về tài sản cố định của văn phòng (trong thời gian ông làm Trưởng văn phòng) không mua bán gì thêm. Sau khi tiếp quản thu nhập của văn phòng tháng đủ trả tiền lương và các chi phí hoạt động, có tháng không đủ. Thời gian từ cuối năm 2018, khi đó Văn phòng công chứng có thu nhập chi phí và có dư, thời gian này thỉnh thoảng ông T và ông H đến văn phòng. Việc quản lý thông tin, ông H chỉ đạo qua điện thoại hoặc qua kiểm tra sổ sách. Khoảng đến đầu tháng 4/2019, Văn phòng công chứng chuyển về số 6A V. Hàng tháng trả tiền thuê nhà khoảng 30.000.000đ/tháng, vì thời gian này Văn phòng công chứng hoạt động có lãi nên tiền nhà tự Văn phòng công chứng chi trả. Thời gian làm ở Văn phòng công chứng ông được trả lương hàng tháng từ 17.000.000đ/tháng đến 24.000.000đ/tháng tùy theo thu nhập của văn phòng. Từ năm 2018 đến năm 2019 có sự biến động về nhân sự, sau khi bà Huệ công chứng viên nghỉ thì có thêm anh Nguyễn Văn H và chị NTTD là công chứng viên, về nhân viên có 08 nhân viên, lương trả cho công chứng viên từ 15.000.000đ đến 20.000.000đ/tháng, lương nhân viên từ 6.000.000đ đến 10.000.000đ/tháng.

Khoảng tháng 12/2019, ông xin rút khỏi Văn phòng công chứng và bàn giao lại cho ông Nguyễn Văn H. Các tài sản của Văn phòng công chứng ông bàn giao lại toàn bộ cho ông H trong đó có cả 01 xe ô tô Hyundai I10. Thời gian ông bàn giao Văn phòng công chứng có đặt trụ sở tại 6A V, quận Cầu Giấy, Hà Nội. Thời gian ông làm Trưởng văn phòng ông vẫn biết toàn bộ chi phí thành lập, hoạt động, các tài sản của Văn phòng công chứng đều là của Ông ĐTH và Ông PQT bỏ ra.

Sau khi ông nghỉ làm tại Văn phòng công chứng cho đến nay ông không có liên quan gì đến Văn phòng công chứng. Ông xin cam đoan toàn bộ lời khai của ông là đúng sự thật, nếu sai ông hoàn toàn chịu trách nhiệm.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 24/2023/DS - ST ngày 21 tháng 06 năm 2023 của Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội đã xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của Ông PQT đối với Ông ĐTH.
2. Xác định Ông PQT và Ông ĐTH mỗi bên góp 50% giá trị thành lập nên Văn phòng công chứng BP, sau đó chuyển thành Văn phòng công chứng PK, hiện nay là Văn phòng công chứng Nguyễn H.

3. Xác định Ông PQT có 50% giá trị Văn phòng công chứng Nguyễn H.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo.

Sau phiên tòa sơ thẩm, Ông ĐTH kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Sau phiên toàn sơ thẩm, Văn phòng Công chứng Nguyễn H được đổi tên thành Văn phòng Công chứng CBH; bàCBH - Trưởng Văn phòng công chứng trình bày: Ngày 07/09/2023, được sự đồng ý của Sở tư pháp thành phố Hà Nội, Văn phòng công chứng Nguyễn H đã thay đổi đăng ký hoạt động, đổi tên thành Văn phòng công chứng CBH; thay đổi người đại diện từ ông Nguyễn Văn H thành bàCBH. Bà đã

nhận được Giấy triệu tập của Tòa án, do điều kiện công việc nên bà xin được vắng mặt tại các phiên tòa xét xử. Bà giữ nguyên các ý kiến của Văn phòng công chứng Nguyễn H trình bày.

Tại phiên tòa, có mặt ông NTS, ông Ngô Quang C, bà HPL.

Đại diện theo ủy quyền của Ông ĐTH trình bày:

Ông H kháng cáo vì bản án sơ thẩm không phù hợp với Điều 22 Luật Công chứng năm 2014. Trưởng Văn phòng công chứng Nguyễn H cũng xác nhận là ông T không góp vốn.

Đại diện theo ủy quyền của Ông ĐTH xác nhận ông T và ông H có quen biết nhau. Ông T và ông H có góp vốn để mở Văn phòng công chứng theo tỷ lệ nhưng thực tế mỗi ông góp vốn bao nhiêu và tỷ lệ bao nhiêu ông không biết; giữa ông T và ông H cũng không có thống kê; ông H cũng không nhận tiền của ông T. Văn phòng công chứng đầu tiên ông T và ông H chung nhau là Văn phòng công chứng BP.

Ông xác nhận Văn phòng công chứng BP, chuyển thành Văn phòng công chứng PK, chuyển thành Văn phòng công chứng Nguyễn H hiện nay chuyển thành Văn phòng công chứng CBH.

Quá trình hoạt động, ông H không tham gia điều hành chuyên môn nhưng khi là Văn phòng công chứng PK thì ông H có biết lãi hay lỗ. Sau đó, ông H không biết tình hình thu nhập của Văn phòng công chứng nữa; ông T có biết không thì người đại diện theo ủy quyền của ông H không biết. Lương của công chứng viên và nhân viên do Văn phòng công chứng trả. Khi chuyển tên sang Văn phòng công chứng PK, thì cả ông T và ông H đều biết. Khi chuyển sang Văn phòng công chứng Nguyễn H thì ông H có biết, ông T có biết không thì ông không biết. Hiện nay, ông H có biết đã chuyển thành Văn phòng công chứng CBH không thì người đại diện theo ủy quyền của ông H không biết.

Người đại diện theo ủy quyền của ông H xác nhận ông H có ký Vi bằng ngày 03/05/2017; sau đó, hai bên không mua bán với nhau và không trao đổi việc bán lại. Ông T thuê người đến yêu cầu ông H trả lại văn phòng.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Quá trình góp vốn thành lập Văn phòng công chứng có rất nhiều khoản phải chi từ Giấy phép, thuê mặt bằng, thuê nhân viên, mua ô tô... Do vậy, ông T và ông H mỗi ông chỉ phí 4.000.000.000đ, cả hai cùng chi mà không ai phải đưa tiền cho ai. Quá trình thành lập Văn phòng công chứng BP, chuyển thành Văn phòng công chứng PK thì cả ông T và ông H đều biết và đều được hạch toán lãi, lỗ. Sau đó, khi chuyển sang Văn phòng công chứng Nguyễn H thì ông T không được điều hành Văn phòng công chứng nữa mà ông H toàn báo lỗ; ông H cũng không đồng ý mua lại. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử và các đương sự tuân thủ đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ giai đoạn thụ lý vụ án đến phiên tòa xét xử vụ án.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 308 xử hủy bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Về thủ tục kháng cáo: Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 21/06/2023, có mặt người đại diện theo ủy quyền của Ông ĐTH. Ngày 07/07/2023, Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai nhận được Đơn kháng cáo đề ngày 04/07/2023 của Ông ĐTH; dấu bưu điện nơi gửi đi là 16h06 phút ngày 05/07/2023. Ông ĐTH đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm trong thời hạn luật định. Hội đồng xét xử nhận thấy, kháng cáo của Ông ĐTH đảm bảo về chủ thể, hình thức, nội dung và trong thời hạn kháng cáo theo quy định tại Điều 271, Điều 272, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Về phạm vi kháng cáo: Kháng cáo toàn bộ bản án.

Về sự vắng mặt của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm: Tòa án đã triệu tập hợp lệ các đương sự tham gia phiên tòa lần thứ hai; tại phiên tòa có mặt đại diện theo ủy quyền của Ông PQT và Ông ĐTH; vắng mặt đại diện Văn phòng Công chứngCBH (đã có đơn xin vắng mặt đề ngày 21/09/2023). Do vậy, Hội đồng xét xử thấy có căn cứ xét xử vắng mặt đại diện Văn phòng Công chứngCBH theo khoản 2 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Xét kháng cáo của Ông ĐTH:

Từ những chứng cứ có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử nhận định nội dung sự việc như sau:

Theo Quyết định cho phép thành lập Văn phòng công chứng số 569/QĐ-UBND ngày 01/02/2016 của UBND thành phố Hà Nội:

Tại Giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng BP số 107/TP-ĐKHHĐ ngày 19/02/2016; trụ sở tại số 495, đường Nguyễn Đ, thị trấn TQ, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội; do ông BHP, sinh năm 1952 là Trưởng văn phòng; danh sách công chứng viên ban đầu là ông BHP và ông Phạm Văn T.

Tại Giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng PK số 107/TP-ĐKHHĐ ngày 20/04/2017; trụ sở tại số 495, đường Nguyễn Đ, thị trấn TQ, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội; do ông PVK, sinh năm 1975 là Trưởng văn phòng; danh sách công chứng viên ban đầu là ông PVK; BHP và ông Phạm Văn T.

Tại Giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng Nguyễn H số 107/TP-ĐKHHĐ ngày 23/12/2019; trụ sở tại số 6A, phố V, phường T, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội; do ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1966 là Trưởng văn phòng; danh sách công chứng viên ban đầu là ông PVK và bàCBH.

Tại Giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứngCBH số 107/TP-ĐKHHĐ ngày 07/09/2023; trụ sở tại số 6A, phố V, phường T, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội; do bàCBH, sinh năm 1978 là Trưởng văn phòng; danh sách công chứng viên ban đầu là bà Hoàng Thị Bích Diệp và ông Nguyễn Đức Ninh.

Trong quá trình giải quyết vụ án, cả Ông PQT và Ông ĐTH đều xác nhận năm 2016, ông T và ông H có góp vốn mở chung Văn phòng công chứng trong đó ông T **khai mỗi người bỏ 50% vốn góp** (bút lục 15); ông H khai mỗi người bỏ ra 1.000.000.000đ (bút lục 87,91). Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của ông H khai ông T, ông H có góp vốn nhưng không thống kê được bao nhiêu, điều này mâu thuẫn với lời khai của ông H (tại bút lục 87,91) là ông T, ông H mỗi người bỏ ra 1.000.000.000đ.

Quá trình giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm, cả ông T và ông H đều xác nhận các ông có lập Vi bằng ngày 03/05/2017 tại Văn phòng thừa phát lại quận Nam Từ Liêm số 292/2017/VB-TPLQNTL có nội dung: 1/ *Xác nhận ông T và ông H cùng thống nhất góp vốn để thành lập Văn phòng công chứng đăng ký hoạt động tại huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội theo Quyết định cho phép thành lập Văn phòng công chứng số 569/QĐ-UBND do UBND thành phố Hà Nội cấp ngày 01/2/2016. Hai bên thống nhất nhờ ông BHP làm Trưởng Văn phòng; đã chuyển thành Văn phòng công chứng PK; 2/ Xác nhận kể từ khi thành lập Văn phòng công chứng PK, hai bên đã xin được cấp giấy phép, chi phí đầu tư thuê mặt bằng, cơ sở vật chất, trang thiết bị, trả lương nhân viên với số tiền hai ông đã bỏ ra 08 tỷ trong đó mỗi bên bỏ ra 50% là 04 tỷ đồng; 3/ Đồng ý để ông BHP rút khỏi danh sách công chứng viên; 4/ Tính từ ngày 03/05/2017 về sau, trong quá trình hoạt động nếu một trong hai bên không muốn tiếp tục hoạt động thì ưu tiên cho nhà đầu tư còn lại và giá cả do hai người thỏa thuận. Trường hợp hai người không thỏa thuận được thì sẽ gửi ra Tòa án nhân dân có thẩm quyền giải quyết.* Nội dung Vi bằng này phù hợp với lời xác nhận của ông BHP khai (tại bút lục 50,89).

Hội đồng xét xử nhận thấy,

Văn phòng công chứng và công chứng viên có chức năng, nhiệm vụ cung cấp dịch vụ công do Nhà nước ủy nhiệm thực hiện nhằm bảo đảm an toàn pháp lý cho các bên tham gia hợp đồng, giao dịch theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Ông PQT và Ông ĐTH cũng không có lời khai, chứng cứ để cho rằng mình tỷ lệ vốn góp của mình nhiều hơn người còn lại. Như vậy, có căn cứ xác định Ông PQT và Ông ĐTH mỗi người góp số vốn 50% khi thành lập Văn phòng Công chứng BP; sau đó đổi tên thành Văn phòng công chứng PK, Văn phòng công chứng Nguyễn H và hiện nay là Văn phòng công chứng CBH. Các Văn phòng công chứng trên đều mang số 107/TP-ĐKHĐ do Sở tư pháp thành phố Hà Nội cấp Giấy phép đăng ký hoạt động theo Quyết định cho phép thành lập Văn phòng công chứng số 569/QĐ-UBND của UBND thành phố Hà Nội là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 19 Luật Công chứng năm 2014.

Theo quy định tại Điều 22 Luật Công chứng năm 2014 thì Văn phòng công chứng được tổ chức và hoạt động theo quy định của Luật Công chứng năm 2014 và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan đối với loại hình Công ty hợp danh. Thỏa thuận của ông T, ông H về việc tự nguyện xác lập, hợp tác góp vốn để thành lập và Văn phòng công chứng BP với mục đích hưởng lợi nhuận khi Văn phòng công chứng đi vào hoạt động là phù hợp với Điều 172 Luật Doanh nghiệp năm 2014

quy định về Công ty hợp danh; khoản 1 Điều 22 Luật Công chứng năm 2014 về việc Văn phòng công chứng phải có từ hai công chứng viên hợp danh trở lên và không có thành viên góp vốn không quy ĐC chứng viên phải là người góp vốn.

Việc góp vốn của ông T, ông H phù hợp với Điều 1, Điều 2, Điều 8, Điều 9, Điều 12, Điều 14 Bộ luật dân sự 2015. Do vậy, có căn cứ xác lập quyền sở hữu chung của ông T, ông H đối với vốn góp theo tỷ lệ mỗi ông 50% theo quy định tại Điều 208, Điều 209 Bộ luật dân sự 2015. Giao dịch hợp tác đầu tư là tự nguyện, trên nguyên tắc lờn ăn, lỗ chịu. Khi hai bên có bất đồng nhưng một trong hai bên không giải quyết là vi phạm quyền và nghĩa vụ của các bên theo quy định tại Điều 158 Bộ Luật dân sự năm 2015. Cần xác định quyền và nghĩa vụ của hai bên tương ứng với phần vốn góp; Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T là phù hợp với Điều 163, Điều 164, Điều 165, Điều 166 Bộ Luật dân sự 2015. Do vậy, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của Ông ĐTH.

Tuy nhiên, cần sửa cách tuyên về việc xác nhận Ông PQT và Ông ĐTH mỗi người có 50% vốn góp Văn phòng công chứng BP; xác nhận Văn phòng công chứng BP sau đó đổi tên thành Văn phòng Công chứng PK, Văn phòng công chứng Nguyễn H và hiện nay là Văn phòng công chứng CBH. Xác nhận Ông PQT và Ông ĐTH mỗi người có 50% quyền lợi và 50% nghĩa vụ liên quan đến hoạt động của Văn phòng công chứng CBH hoặc các Văn phòng Công chứng kế thừa từ Văn phòng công chứng CBH (nếu có).

Do sửa cách tuyên nên chấp nhận một phần kháng cáo của Ông ĐTH.

[3] Về nghĩa vụ chịu án phí:

Do sửa về cách tuyên nên Ông ĐTH không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Đề nghị của Viện kiểm sát không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Điều 1, Điều 2, Điều 8, Điều 9, Điều 12, Điều 14, Điều 163, Điều 164, Điều 165, Điều 166, Điều 208, Điều 209 Bộ Luật dân sự 2015;
- Khoản 3 Điều 19; Điều 22 Luật Công chứng năm 2014;
- Điều 172 Luật Doanh nghiệp năm 2014;
- Điều 271, Điều 272, Điều 273; khoản 2 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;
- Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận một phần kháng cáo của Ông ĐTH; sửa bản án sơ thẩm số 24/2023/DS - ST ngày 21 tháng 06 năm 2023 của Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội cụ thể như sau:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của Ông PQT đối với Ông ĐTH.

2. Xác định Ông PQT và Ông ĐTH mỗi người góp 50% giá trị thành lập nên Văn phòng công chứng BP, sau đó chuyển thành Văn phòng công chứng PK, Văn phòng công chứng Nguyễn H và hiện nay là Văn phòng công chứngCBH.

3. Xác định Ông PQT và Ông ĐTH mỗi người có 50% quyền lợi và 50% nghĩa vụ liên quan đến hoạt động của Văn phòng công chứngCBH hoặc các Văn phòng công chứng kế thừa từ Văn phòng công chứngCBH (nếu có).

4. Về án phí:

Ông PQT không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm; hoàn trả Ông PQT số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2020/0051912 ngày 24/10/2022 tại Chi cục Thi hành án Dân sự quận Hoàng Mai.

Ông ĐTH phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, không phải chịu án phí phúc thẩm; được đối trừ số tiền Ông ĐTH đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2022/0000182 ngày 13/07/2023 Chi cục Thi hành án Dân sự quận Hoàng Mai.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày Tòa tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hà Nội;
- TAND quận Hoàng Mai;
- Chi cục THA quận Hoàng Mai;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thu Hồng

